

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Mộng Nương	Thành viên
Ông Đậu Trường Sinh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đậu Trường Sinh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm cho tới ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Đậu Trường Sinh - Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Đậu Trường Sinh
Tổng Giám đốc

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Số: 140 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dựa trên sổ kế toán của năm 2023 và tháng 01 năm 2024 được Công ty cung cấp, chúng tôi nhận thấy, ngày 30 tháng 05 năm 2023, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền hợp tác đầu tư cho Công ty là 7,5 tỷ VND qua tài khoản ngân hàng, cùng ngày này Công ty đã hạch toán giảm 7,5 tỷ VND trên tài khoản tiền gửi ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 28 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hạch toán tăng trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời giảm tài khoản tiền mặt với giá trị 7,5 tỷ VND, sau đó gửi tiết kiệm 01 tháng vào ngày 29 tháng 12 năm 2023. Ngày 02 tháng 01 năm 2024, Công ty hạch toán giảm 7,5 tỷ VND trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 26 tháng 01 năm 2024, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền lãi hợp tác đầu tư cho Công ty là 1.475.742.614 VND qua tài khoản ngân hàng, đồng thời ngày 30 tháng 01 năm 2024, Công ty đã hạch toán giảm 1,5 tỷ VND trên tài khoản ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Bằng những thông tin cung cấp từ Công ty, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các giao dịch nêu trên đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các báo cáo kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định được sự hiện hữu của hàng tồn kho và liệu có cần điều chỉnh liên quan đến hàng tồn kho và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 - Phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại đó Công ty trình bày thông tin về khoản phải thu Công ty TNHH Thảo Viên (Bên liên quan). Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 2103.01-23/BC-TC/VAE đề ngày 21 tháng 03 năm 2023 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố và trình bày lại chi tiết tại Thuyết minh số 29 - Phần Thuyết minh báo cáo tài chính.



[Handwritten signature]

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.532.787.356	36.471.132.811
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.419.162.771	7.746.815.962
1. Tiền	111		13.419.162.771	2.746.815.962
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.036.816.217	25.197.127.999
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	967.750.994	918.496.580
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	70.602.000	34.650.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	869.253.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	18.129.210.223	24.251.406.419
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(7.425.000)
III. Hàng tồn kho	140	9	2.930.518.867	3.380.899.349
1. Hàng tồn kho	141		2.930.518.867	3.380.899.349
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		146.289.501	146.289.501
1. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	15	146.289.501	146.289.501
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.256.050.311	8.134.549.297
I. Tài sản cố định	220		4.986.321.132	5.518.135.014
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.986.321.132	5.518.135.014
- Nguyên giá	222		26.605.592.005	25.918.644.885
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.619.270.873)	(20.400.509.871)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		97.500.000	97.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.500.000)	(97.500.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		635.490.455	635.490.455
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	635.490.455	635.490.455
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.634.238.724	1.980.923.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.634.238.724	1.980.923.828
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		44.788.837.667	44.605.682.108

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.906.577.788	1.565.326.445
I. Nợ ngắn hạn	310		1.906.577.788	1.535.326.445
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	412.719.440	20.535.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		63.252.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	452.552.688	369.768.468
4. Phải trả người lao động	314		90.844.955	164.226.462
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	217.424.243	106.666.667
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	224.734.871	461.880.257
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	16.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		445.049.591	396.249.591
II. Nợ dài hạn	330		-	30.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	-	30.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.882.259.879	43.040.355.663
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	42.882.259.879	43.040.355.663
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.579.000.000	39.579.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.579.000.000	39.579.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.395.147.734	3.395.147.734
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(91.887.855)	66.207.929
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(528.998.889)	(443.161.440)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		437.111.034	509.369.369
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		44.788.837.667	44.605.682.108



Lê Văn Do
Người lập biểu
Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2024



Lê Văn Do
Kế toán trưởng



Đậu Trường Sinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	17.727.311.787	16.310.765.369
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		17.727.311.787	16.310.765.369
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	14.780.095.741	14.124.462.511
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.947.216.046	2.186.302.858
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.503.670.790	1.713.740.962
6. Chi phí bán hàng	25	23	884.615.271	874.162.090
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	3.007.297.615	2.302.486.985
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 25 - 26)	30		558.973.950	723.394.745
9. Thu nhập khác	31		1.487.869	8.217.314
10. Chi phí khác	32		530.387.310	62.920.278
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(528.899.441)	(54.702.964)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		30.074.509	668.691.781
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	16.162.587	159.322.412
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		13.911.922	509.369.369
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	3,51	128,70



Lê Văn Do
Người lập biểu
Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2024



Lê Văn Do
Kế toán trưởng




Đậu Trường Sinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	18.820.366.615	17.030.352.804
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(13.425.174.605)	(10.357.334.492)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.122.007.719)	(3.955.089.152)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(102.498.432)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.259.291.657	4.059.899.200
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.058.096.885)	(5.506.067.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(628.119.369)	1.271.760.632
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(869.253.000)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.500.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.928.176	21.191.395
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.658.675.176	21.191.395
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	136.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(16.000.000)	(175.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(342.208.998)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(358.208.998)	(39.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.672.346.809	1.253.952.027
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.746.815.962	6.492.863.935
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	13.419.162.771	7.746.815.962


Lê Văn Do
Người lập biểu

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2024


Lê Văn Do
Kế toán trưởngĐậu Trường Sinh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900101456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10 tháng 03 năm 2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 03 năm 2024.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 12 thì vốn điều lệ của công ty là 39.579.000.000 VND.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên Sàn Giao dịch Chứng khoán UPCOM với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là DXL, số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 3.957.900 cổ phiếu.

Trụ sở Công ty tại: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 54 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 43 người).

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực Nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ Du lịch lữ hành; Sản xuất rượu.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm;
- Bán buôn thực phẩm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện theo thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Khách sạn Hoa Sim	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Rượu Mấu Sơn	Số 88 đường Bắc Sơn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Nhà hàng Nam Kai	Số 53 Lương Văn Chi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố và trình bày lại chi tiết tại Thuyết minh số 29 - Phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

Đối với tài sản và nợ phải trả, Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính từ thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa: Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của các mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

Danh sách Bên liên quan của Công ty là:

Bên liên quan

Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc
Công ty TNHH Thảo Viên

Mối quan hệ

Ban lãnh đạo Công ty
Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty là
Giám đốc của Công ty TNHH Thảo Viên

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠNSố 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.447.629.436	1.560.529.357
Tiền gửi ngân hàng	9.971.533.335	1.186.286.605
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	13.419.162.771	7.746.815.962

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng khác	967.750.994	-	918.096.580	(7.425.000)
Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Lạng Sơn	230.085.000	-	138.945.000	-
Hội chữ thập đỏ Lạng Sơn	58.400.000	-	-	-
Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	47.920.000	-	27.834.000	-
Bệnh viện y học cổ truyền Lạng Sơn	42.000.000	-	17.640.000	-
Sở giáo dục đào tạo tỉnh Lạng Sơn	18.626.000	-	96.865.000	-
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn	-	-	64.800.000	-
Sở văn hoá thể thao và du lịch tỉnh Lạng Sơn	-	-	106.060.000	-
Công ty Cổ phần Quảng cáo RED Việt Nam	-	-	24.750.000	(7.425.000)
Các đối tượng khác	570.719.994	-	441.202.580	-
b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan	-	-	400.000	-
Công ty TNHH Thảo Viên	-	-	400.000	-
Cộng	967.750.994	-	918.496.580	(7.425.000)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư du lịch Eurowindow Nha Trang	40.602.000	-
Đối tượng khác	30.000.000	34.650.000
Cộng	70.602.000	34.650.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠNSố 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng,
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Bà Đỗ Thu Vân	869.253.000	-
Cộng	869.253.000	-

Hợp đồng cho vay tiền ngày 30 tháng 09 năm 2023, số tiền 869.253.000 VND, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 5%.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	1.304.048.449	1.401.987.259
Phải thu khác	865.909.451	981.987.259
(Thuế tiêu thụ đặc biệt nguyên vật liệu rượu đầu vào)		
Phải thu khác	18.138.998	-
Ký cược, ký quỹ (i)	420.000.000	420.000.000
b) Phải thu ngắn hạn là biên liên quan	16.825.161.774	22.849.419.160
Công ty TNHH Thảo Viên (ii)	16.825.161.774	22.849.419.160
Cộng	18.129.210.223	24.251.406.419

Ghi chú:

- (i) Ký quỹ hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn, số tiền 420.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,4%/năm.
- (ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 35/HĐHTKD ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên về việc xây dựng dự án khu dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn; thời gian hợp tác là 2 năm từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022; lợi nhuận cố định là 8%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án.

Ngày 23 tháng 12 năm 2023, hai bên đã ký Phụ lục hợp đồng số 14/HĐHTKD gia hạn thời gian góp vốn đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm khoản tiền đầu tư gốc và lợi nhuận mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty.

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>(Trình bày lại)</u>	
	VND	VND	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.425.617.409	-	2.896.217.166	-
Thành phẩm	462.178.078	-	411.286.867	-
Hàng hoá	42.723.380	-	73.395.316	-
Cộng	2.930.518.867	-	3.380.899.349	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.604.369.236	1.316.588.165
Chi phí sửa chữa	1.029.869.488	664.335.663
Cộng	2.634.238.724	1.980.923.828

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	20.782.267.729	3.115.212.146	1.911.165.010	110.000.000	25.918.644.885
Tăng trong năm	-	686.947.120	-	-	686.947.120
Tại ngày cuối năm	<u>20.782.267.729</u>	<u>3.802.159.266</u>	<u>1.911.165.010</u>	<u>110.000.000</u>	<u>26.605.592.005</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày đầu năm	16.579.827.490	2.481.771.136	1.228.911.245	110.000.000	20.400.509.871
Khấu hao trong năm	758.652.822	238.046.812	222.061.368	-	1.218.761.002
Tại ngày cuối năm	<u>17.338.480.312</u>	<u>2.719.817.948</u>	<u>1.450.972.613</u>	<u>110.000.000</u>	<u>21.619.270.873</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	<u>4.202.440.239</u>	<u>633.441.010</u>	<u>682.253.765</u>	<u>-</u>	<u>5.518.135.014</u>
Tại ngày cuối năm	<u>3.443.787.417</u>	<u>1.082.341.318</u>	<u>460.192.397</u>	<u>-</u>	<u>4.986.321.132</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 9.112.427.881 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.406.378.513 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	97.500.000	97.500.000
Tại ngày cuối năm	97.500.000	97.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại ngày đầu năm	97.500.000	97.500.000
Tại ngày cuối năm	97.500.000	97.500.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 97.500.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 97.500.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công trình xây dựng khách sạn Hoa Sim (i)	635.490.455	635.490.455
Cộng	635.490.455	635.490.455

Ghi chú:

- (i) Bao gồm các chi phí tư vấn, thiết kế, khảo sát kiểm định chất lượng,... cho Công trình xây dựng khách sạn Hoa Sim. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2023 về việc thông qua chủ trương đầu tư khách sạn Hoa Sim, do đó lùi thời gian đầu tư xây dựng khách sạn Hoa Sim, giao cho Hội đồng Quản trị tiếp tục theo dõi và nghiên cứu tình hình kinh tế, thị trường để trình Đại hội đồng cổ đông trong thời gian tới.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Hà Thị Quỳnh	79.867.000	79.867.000	-	-
La Văn Truyền	59.997.000	59.997.000	-	-
Hoàng Thị Vệ	54.371.500	54.371.500	-	-
Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường	-	-	20.535.000	20.535.000
Các đối tượng khác	218.483.940	218.483.940	-	-
Cộng	412.719.440	412.719.440	20.535.000	20.535.000

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	304.738.375	1.134.358.501	1.107.937.419	331.159.457
Thuế tiêu thụ đặc biệt	51.590.969	427.747.891	416.560.625	62.778.235
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.628.432	121.962.364	102.498.432	32.092.364
Thuế thu nhập cá nhân	810.692	29.138.695	3.426.755	26.522.632
Các loại thuế khác	-	21.428.876	21.428.876	-
Cộng	369.768.468	1.734.636.327	1.651.852.107	452.552.688
b) Các khoản phải thu				
Thuế đất, tiền thuê đất	146.289.501	565.794.171	565.794.171	146.289.501
Cộng	146.289.501	565.794.171	565.794.171	146.289.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh	217.424.243	106.666.667
Cộng	217.424.243	106.666.667

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	224.734.871	461.880.257
Kinh phí công đoàn	117.000	117.000
Bảo hiểm xã hội	5.581.180	3.619.480
Phải trả khác	189.036.691	458.143.777
Nhận ký cược, ký quỹ	30.000.000	-
b.) Phải trả dài hạn khác	-	30.000.000
Nhận ký cược, ký quỹ	-	30.000.000
Cộng	224.734.871	491.880.257

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm trước	39.579.000.000	(443.161.440)	3.395.147.734	42.530.986.294
Lợi nhuận trong năm	-	509.369.369	-	509.369.369
Số dư tại ngày đầu năm nay	39.579.000.000	66.207.929	3.395.147.734	43.040.355.663
Lợi nhuận trong năm	-	437.111.034	-	437.111.034
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Trích quỹ Ban điều hành quản lý Công ty (i)	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Cổ tức trả cho chủ sở hữu (i)	-	(495.206.818)	-	(495.206.818)
Số dư tại ngày cuối năm nay	39.579.000.000	(91.887.855)	3.395.147.734	42.882.259.879

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết số 12/NQ/ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: 50.000.000 VND
- Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành quản lý Công ty: 50.000.000 VND
- Chia cổ tức: 495.206.818 VND

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông số tiền là 342.208.998 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 31/12/2022	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Kim Thảo	7.843.010.000	20%	-	0%
Nguyễn Thị Tú Oanh	10.000.000.000	25%	10.000.000.000	25%
Nguyễn Văn Thanh	7.031.930.000	18%	7.031.930.000	18%
Đậu Trường Sinh	4.500.420.000	11%	4.500.420.000	11%
Công ty TNHH Thảo Viên	-	0%	7.843.010.000	20%
Các cổ đông khác	10.203.640.000	26%	10.203.640.000	26%
Cộng	39.579.000.000	100%	39.579.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.957.900	3.957.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.957.900	3.957.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.957.900	3.957.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.957.900	3.957.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.957.900	3.957.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	836.145.848	1.084.540.938
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.891.165.939	15.226.224.431
Cộng	17.727.311.787	16.310.765.369

20. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	1.155.691.798	926.791.576
Giá vốn dịch vụ cung cấp	13.624.403.943	13.197.670.935
Cộng	14.780.095.741	14.124.462.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.349.514.629	8.109.643.072
Chi phí nhân công	4.031.678.050	4.112.169.986
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.218.761.002	1.467.016.623
Chi phí dự phòng	90.082.927	(18.930.278)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.167.678.923	1.716.923.922
Chi phí bằng tiền khác	1.511.995.805	1.514.863.344
Cộng	<u>18.369.711.336</u>	<u>16.901.686.669</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	27.928.176	21.191.395
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	1.475.742.614	1.692.549.567
Cộng	<u>1.503.670.790</u>	<u>1.713.740.962</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	240.147.743	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	599.296.152	869.200.137
Chi phí bằng tiền khác	45.171.376	4.961.953
Cộng	<u>884.615.271</u>	<u>874.162.090</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.666.594.554	1.123.202.805
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	147.550.157	62.086.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	222.061.368	222.061.368
Chi phí thuế, phí lệ phí	84.479.047	115.307.582
Chi phí dự phòng	17.325.000	5.555.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	736.517.314	685.532.503
Chi phí bằng tiền khác	132.770.175	88.741.000
Cộng	<u>3.007.297.615</u>	<u>2.302.486.985</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	559.073.398	668.691.781
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.388.417	127.920.277
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.388.417</i>	<i>127.920.277</i>
Thu nhập chịu thuế	560.461.815	796.612.058
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	112.092.364	159.322.412
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	9.870.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	121.962.364	159.322.412

Ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được trừ trên, Công ty xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể với cơ sở tính thuế. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	437.111.034	509.369.369
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi và ban điều hành	-	(100.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ đông	437.111.034	409.369.369
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.957.900	3.957.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	110,44	103,43

Công ty chưa trích quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận của năm 2023.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 12/NQ/ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2023. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước trình bày lại là 128,70.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài Thuyết minh số 5 và 8, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	215.085.450	222.749.825
Công ty TNHH Thảo Viên	215.085.450	222.749.825
Thu tiền từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	236.594.000	244.610.000
Công ty TNHH Thảo Viên	236.594.000	244.610.000
Thu tiền từ hoạt động hợp tác đầu tư	7.500.000.000	-
Công ty TNHH Thảo Viên	7.500.000.000	-
Thu nhập của các thành viên chủ chốt	645.076.926	619.446.155
Lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý	353.246.156	344.096.155
Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị	96.000.000	96.000.000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	57.600.000	49.600.000
Lương của Kế toán trưởng	138.230.770	129.750.000

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	341.342.171	455.007.123

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	487.631.672	341.342.171
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.950.526.688	1.950.526.688
Từ năm thứ năm trở đi	5.842.219.679	6.329.851.351
Cộng	8.280.378.039	8.621.720.210

Chi phí thuê hoạt động thể hiện chi phí thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn như sau:

- (i) Công ty được thuê đất tại đường Lương Văn Tri, đường Bắc Sơn, đường Thân Công Tài và Vị trí 2, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn; thời hạn thuê đất là 30 năm (từ ngày 18 tháng 05 năm 2021 đến ngày 18 tháng 05 năm 2023); mục đích sử dụng đất thuê là Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh nhà hàng ăn uống).
- (ii) Công ty được thuê diện tích trên đường Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn; với thời hạn thuê đất là 30 năm kể từ ngày 30 tháng 08 năm 1999; mục đích sử dụng đất thuê là Xây dựng cơ sở giao dịch, kinh doanh.
- (iii) Công ty được thuê đất tại đường Trần Hưng Đạo, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; với thời hạn thuê đất là 50 năm (từ ngày 25 tháng 10 năm 2005 đến ngày 25 tháng 10 năm 2055); mục đích sử dụng đất thuê là Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh khách sạn).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hoá lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hoá số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày ở Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	16.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(13.419.162.771)	(7.746.815.962)
Nợ thuần	(13.419.162.771)	(7.730.815.962)
Vốn chủ sở hữu	42.882.259.879	43.040.355.663
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.419.162.771	7.746.815.962
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.096.961.217	25.162.477.999
Cộng	32.516.123.988	32.909.293.961
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	16.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	637.454.311	512.415.257
Cộng	637.454.311	528.415.257

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phân ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về lãi suất của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.419.162.771	-	13.419.162.771
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.096.961.217	-	19.096.961.217
Cộng	32.516.123.988	-	32.516.123.988
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	637.454.311	-	637.454.311
Cộng	637.454.311	-	637.454.311
Chênh lệch thanh khoản thuần	31.878.669.677	-	31.878.669.677
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.746.815.962	-	7.746.815.962
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.162.477.999	-	25.162.477.999
Cộng	32.909.293.961	-	32.909.293.961
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	482.415.257	30.000.000	512.415.257
Các khoản vay	16.000.000	-	16.000.000
Cộng	498.415.257	30.000.000	528.415.257
Chênh lệch thanh khoản thuần	32.410.878.704	(30.000.000)	32.380.878.704

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố và trình bày lại chi tiết như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Trình bày lại</u>	<u>Số sau trình bày lại</u>	<u>Ghi chú</u>
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	981.987.259	23.269.419.160	24.251.406.419	(i)
Phải thu dài hạn khác	216	23.269.419.160	(23.269.419.160)	-	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	595.206.818	528.998.889	66.207.929	(ii)

Ghi chú:

- (i) Phân loại lại khoản phải thu ngắn hạn khác với Công ty TNHH Thảo Viên và khoản cầm cố ký quỹ, ký cược.
- (ii) Xử lý chênh lệch thiếu hàng tồn kho đã phát sinh từ năm 2017.



Lê Văn Do
Người lập biểu
Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2024



Lê Văn Do
Kế toán trưởng



Đậu Trường Sinh
Tổng Giám đốc